

Số: 621/PGDDĐT-CNTT

Đàm Hà, ngày 23 tháng 9 năm 2024

V/v hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ
ứng dụng CNTT, CDS và thống kê giáo
dục năm học 2024 – 2025

Kính gửi: Các trường Mầm non, TH, THCS, TH&THCS thuộc huyện.

Thực hiện Công văn số 2976/DGDĐT-GDPT ngày 17/9/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và thống kê giáo dục năm học 2024-2025 và Kế hoạch số 842/KH-SGDĐT ngày 19/3/2024 về việc thực hiện Chuyển đổi số ngành Giáo dục năm 2024, Phòng GDĐT hướng dẫn các đơn vị trường học triển khai thực hiện một số nội dung như sau:

I. NHIỆM VỤ CHUNG

1. Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện có hiệu quả Kế hoạch “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và thúc đẩy chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2023 – 2025, định hướng đến năm 2030”¹ và Kế hoạch “Triển khai thực hiện Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia Giai đoạn 2022 – 2025, tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh”² và Kế hoạch “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và thúc đẩy chuyển đổi số ngành Giáo dục giai đoạn 2023 – 2025, định hướng đến năm 2030”³; tiếp tục triển khai mở rộng cơ sở dữ liệu ngành giáo dục, kết nối với các cơ sở dữ liệu của tỉnh, quốc gia nhằm nâng cao tiện ích và hiệu quả cho công tác quản lý giáo dục; đẩy mạnh cải cách hành chính, tăng cường thực hiện thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến và bộ phận một cửa, một cửa liên thông, liên thông trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; triển khai học bạ số, xây dựng cơ sở dữ liệu văn bằng, chứng chỉ hướng đến văn bằng số, chứng chỉ số.

2. Tăng cường các điều kiện bảo đảm về hạ tầng kỹ thuật và kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, quản trị, dạy, học và nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em, kiểm tra, đánh giá trong giáo dục; tiếp tục xây dựng hạ tầng số về học tập, kho học liệu số chia sẻ dùng chung toàn ngành, gồm: bài giảng điện tử, học liệu số đa phương tiện, sách giáo khoa điện tử, phần mềm mô phỏng và các học liệu khác; phát triển hệ thống ngân hàng câu hỏi trực tuyến

¹ Kế hoạch số 276/KH-UBND ngày 10/11/2023 của UBND tỉnh về tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và thúc đẩy chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2023 – 2025, định hướng đến năm 2030.

² Kế hoạch số 60/KH-UBND ngày 01/3/2022 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia Giai đoạn 2022 – 2025, tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

³ Kế hoạch số 3625/KH-SGDĐT ngày 11/12/2023 của Sở GDĐT về tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và thúc đẩy chuyển đổi số ngành Giáo dục giai đoạn 2023 – 2025, định hướng đến năm 2030.

cho các môn học; tăng cường ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong hoạt động dạy, học và quản lý giáo dục đi cùng với phát triển các giải pháp bảo đảm an toàn môi trường học tập số; nâng cao năng lực số cho người học và đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục.

3. Đẩy mạnh chuyển đổi số trong giáo dục, tập trung vào 3 “trụ cột”: Chuyển đổi số trong các hoạt động dạy và học, kiểm tra đánh giá; Chuyển đổi số trong quản trị cơ sở giáo dục và quản lý ngành giáo dục; Phát triển nguồn nhân lực số, chuyển đổi nhận thức; kỹ năng khai thác ứng dụng công nghệ số đáp ứng đổi mới căn bản, toàn diện trong quản lý, quản trị giáo dục và tổ chức các hoạt động giáo dục.

II. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

1. Chuyển đổi số trong dạy, học và đánh giá

- Tiếp tục triển khai có hiệu quả Thông tư số 09/2021/TT-BGDĐT ngày 30/03/2021 quy định về quản lý và tổ chức dạy học trực tuyến trong cơ sở giáo dục phổ thông và cơ sở giáo dục thường xuyên, trong đó lưu ý triển khai một số nội dung như sau:

a) Các cơ sở giáo dục phổ thông xây dựng kế hoạch tổ chức dạy học trực tuyến của đơn vị, trong đó xác định, chọn lựa phần mềm dạy học, hệ thống quản lý học tập trực tuyến (LMS), lựa chọn các môn học, tiết học phù hợp để xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai đáp ứng yêu cầu thực tế về cơ sở vật chất, đội ngũ và yêu cầu tối thiểu mức độ 2 theo Quyết định số 4725/QĐ-BGDĐT ngày 30/12/2022 ban hành Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số của cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên; đồng thời ban hành quy chế tổ chức triển khai dạy học trực tuyến tại đơn vị đảm bảo phù hợp, hiệu quả.

b) Hướng dẫn về quản lý và tổ chức dạy học trực tuyến; kế hoạch xây dựng học liệu số trong các đơn vị.

c) Mỗi đơn vị phải chủ động lựa chọn/duy trì sử dụng một nền tảng phần mềm quản lý học tập⁴ (LMS) phù hợp, khai thác sử dụng tối đa lợi ích của LMS đã chọn trong hoạt động dạy học trực tuyến để trở thành hoạt động giáo dục thiết yếu, hàng ngày đối với mỗi nhà giáo, mỗi người học. Trong đó lưu ý: Mục đích dạy học trực tuyến kết hợp, hỗ trợ hoặc thay thế dạy học trực tiếp tại cơ sở giáo dục phổ thông giúp cơ sở giáo dục phổ thông nâng cao chất lượng dạy học và hoàn thành chương trình giáo dục phổ thông⁵; Phát triển năng lực sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong dạy và học; thúc đẩy chuyển đổi số trong ngành Giáo dục; Mở rộng cơ hội tiếp cận giáo dục cho học sinh, tạo điều kiện để học sinh được học ở mọi nơi, mọi lúc. Tránh thực hiện hình thức, gây khó khăn, lãng phí, không mang lại hiệu quả, không vì mục đích nâng cao chất lượng chất lượng giáo dục.

⁴ Một số nền tảng: vnedu, k12online, mobiedu, olm, cohota, google classroom, MS Teams, ...

⁵ Thông tư 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ GDĐT ban hành Chương trình giáo dục phổ thông.

d) Tổ chức xây dựng học liệu số, ngân hàng câu hỏi theo định hướng⁶, đảm bảo Chương trình giáo dục phổ thông, đóng góp⁷, chia sẻ và khai thác sử dụng hiệu quả Kho học liệu dùng chung của Bộ, của Sở, của các nhà xuất bản, giữa các cơ sở giáo dục xây dựng trên địa bàn tỉnh⁸ trong tổ chức dạy học và kiểm tra đánh giá; đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu theo Kế hoạch đã ban hành⁹. Chủ động xây dựng phương án lưu trữ, phân loại, quản lý học liệu số phục vụ công tác giáo dục của đơn vị và báo cáo cấp quản lý.

- Tổ chức dạy học trực tuyến kết hợp với trực tiếp (Blended Learning, Hybrid Learning) và lớp học đảo ngược (Flipped Classroom), hình thành phương pháp dạy và học hiện đại phù hợp với xu hướng mới, học sinh tham gia chủ động, tạo quá trình hình thành, củng cố và mở rộng kiến thức từ hoạt động tự học trực tuyến (elearning).

- Tiếp tục sử dụng khai thác hiệu quả phần mềm đã được cung cấp, cài đặt bài giảng điện tử của dự án tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin tiên tiến ngành giáo dục và đào tạo tại địa chỉ: <http://lv.quangninh.edu.vn> cho hoạt động dạy và học tại đơn vị. Thường xuyên cập nhật bài giảng, sách giáo khoa, học liệu số và ngân hàng câu hỏi vào hệ thống.

- Tiếp tục triển khai liên thông thư viện¹⁰ (kết nối, liên thông, chia sẻ dữ liệu giữa các thư viện trong nhóm liên thông và giữa các thư viện về tài nguyên thông tin số,...); kết nối liên thông với các kho học liệu số, chia sẻ tài nguyên số hóa giữa các cơ sở giáo dục, cán bộ quản lý giáo dục, giáo viên.

- Đẩy mạnh kiểm tra đánh giá thường xuyên bằng hình thức trực tuyến; thực hiện kiểm tra đánh giá định kỳ trên máy tính; triển khai mô hình thi/kiểm tra online tập trung qua nền tảng công nghệ xác thực thẻ căn cước công dân (CCCD) gắn chip điện tử đối với những nơi có đủ điều kiện tổ chức thực hiện.

- Thường xuyên tổ chức bồi dưỡng nâng cao kỹ năng số cho đội ngũ nhà giáo; ưu tiên bồi dưỡng các nội dung gắn với thực tế công việc như: ứng dụng các phần mềm dạy học, xây dựng học liệu số, bài giảng điện tử, kỹ năng tổ chức dạy học trực tuyến, ứng dụng trí tuệ nhân tạo vào hoạt động dạy, học; Tập trung giáo dục 05 kỹ năng số cơ bản: (1) Sử dụng dịch vụ công trực tuyến; (2) Mua sắm trực tuyến; (3) Thanh toán trực tuyến; (4) Tự bảo vệ mình trên không gian mạng; (5) sử dụng nền tảng số khác đặc thù của địa phương cho học sinh trung học cơ sở. Triển khai giáo dục kỹ năng công dân số cấp tiểu học¹¹.

- Rà soát hạ tầng kỹ thuật, đầu tư mới, mua sắm bổ sung máy tính đáp ứng yêu cầu dạy môn Tin học; mua sắm thiết bị phục vụ xây dựng học liệu số và dạy học trực tuyến. Các đơn vị thuộc các dự án tăng cường ứng dụng công nghệ thông

⁶ Quyết định số 764/QĐ-BGDĐT ngày 08/3/2024 Quy định về cấu trúc định dạng đề thi Kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông từ năm 2025.

⁷ Công văn số 2443/SGDĐT-GDPT ngày 31/8/2021.

⁸ <https://igiaoduc.vn>, <https://www.youtube.com/@igiaoduc>; <https://bit.ly/sgdqnvideobaigiang>, <https://hoclo.vn>, <https://hanhtrangso.nxbgd.vn>, <https://www.sachmem.vn>.

⁹ Kế hoạch số 842/KH-SGDĐT ngày 19/3/2024 thực hiện Chuyển đổi số ngành Giáo dục năm 2024.

¹⁰ Công văn số 2781/SGDĐT-GDPT ngày 28/8/2024 của Sở GDĐT về việc hướng dẫn liên thông thư viện.

¹¹ Kế hoạch số 2664/KH-SGDĐT ngày 15/8/2024.

tin tiên tiến trong ngành giáo dục và dự án trường học thông minh khai thác phòng học được trang bị, các thiết bị ứng dụng công nghệ thông tin tiên tiến một cách triệt để theo hướng dẫn của Sở¹² đáp ứng đổi mới, đồng bộ phương pháp dạy học và phương thức thi, kiểm tra đánh giá người học; dạy học phân hóa theo năng lực nhận thức của học sinh trên cơ sở chuẩn kiến thức, kỹ năng của chương trình giáo dục phổ thông; tiếp tục bồi dưỡng năng lực khai thác và sử dụng thiết bị cho cán bộ, giáo viên.

- Triển khai các giải pháp bảo đảm an toàn môi trường giáo dục số¹³ trong nhà trường. Lập và đề xuất phê duyệt hồ sơ an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ; thực hiện nội dung hướng dẫn tại Công văn số 900/CNTT ngày 12/9/2024 của Bộ GDĐT về việc tăng cường bảo vệ tài khoản truy cập CSDL ngành¹⁴.

2. Chuyển đổi số trong quản trị các cơ sở giáo dục và xây dựng cơ sở dữ liệu về giáo dục

- Triển khai Hệ thống Quản lý trường học trực tuyến tích hợp Tuyển sinh liên thông đầu cấp trực tuyến và xây dựng Cơ sở dữ liệu ngành giáo dục đối với tất cả các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông trên địa bàn huyện. Tham mưu bố trí nguồn lực để triển khai học bạ số trong giáo dục phổ thông; triển khai xây dựng cơ sở dữ liệu văn bằng, chứng chỉ hướng đến triển khai văn bằng số, chứng chỉ số và công khai thông tin về cấp văn bằng, chứng chỉ theo quy định của Bộ GDĐT¹⁵.

- Đẩy mạnh việc sử dụng hệ thống Quản lý văn bản, chính quyền điện tử trong công tác của cơ quan, đơn vị. Hoàn thành việc trang bị chữ ký số trong cơ sở giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên **trước 10/12/2024**. 100% trường học triển khai nền tảng quản trị dựa trên dữ liệu và công nghệ số, tối thiểu triển khai các phân hệ: quản lý người học (hồ sơ, kết quả quá trình học tập, rèn luyện, học bạ, sức khỏe), quản lý đội ngũ, quản lý cơ sở vật chất (trong đó có danh mục thiết bị dạy học tối thiểu, nhà công vụ cho giáo viên, phòng học, nước sạch, công trình vệ sinh), y tế học đường; đảm bảo kết nối thông suốt với cơ sở dữ liệu ngành giáo dục bảo đảm an toàn cho quản lý, sử dụng tài khoản của các cơ sở giáo dục (tài khoản cấp trường) nói riêng và bảo đảm an toàn thông tin cho toàn bộ hệ thống CSDL ngành nói chung.

- Hướng dẫn sử dụng Hệ thống Quản lý trường học trực tuyến đối với giáo dục mầm non.

- Xây dựng hoàn thiện cơ sở dữ liệu theo Thông tư số 42/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 của Bộ trưởng Bộ GDĐT quy định về cơ sở dữ liệu giáo dục và đào tạo, trong đó tập trung triển khai một số nhiệm vụ như sau: (1) Tiếp tục triển khai cơ sở dữ liệu ngành giáo dục, kết nối với các cơ sở dữ liệu của tỉnh, quốc gia

¹² Công văn: số 295/SGDĐT-GDTrH ngày 31/01/2019, số 3163 /SGDĐT-VP ngày 09/11/2023.

¹³ Công văn số 966/SGDĐT-VP ngày 30/3/2024.

¹⁴ Nhằm tăng cường thực hiện Nghị định số 13/2023/NĐ-CP của Chính phủ về bảo vệ dữ liệu cá nhân, Thông tư số 42/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 của Bộ GDĐT Quy định về cơ sở dữ liệu GDĐT.

¹⁵ Thông tư số 21/2019/TT-BGDĐT ngày 29/11/2019 ban hành Quy chế quản lý bằng tốt nghiệp trung học cơ sở, bằng tốt nghiệp trung học phổ thông, bằng tốt nghiệp trung cấp sư phạm, bằng tốt nghiệp cao đẳng sư phạm, văn bằng giáo dục đại học và chứng chỉ của hệ thống giáo dục quốc dân.

nhằm nâng cao tiện ích và hiệu quả cho công tác quản lý giáo dục (cơ sở dữ liệu về giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thể chất, giáo dục dân tộc, công tác chính trị học sinh sinh viên, cơ sở vật chất và chuyển đổi số); (2) Định kỳ hàng tháng, thực hiện cập nhật, chuẩn hóa dữ liệu trên các hệ thống phần mềm cơ sở dữ liệu ngành giáo dục¹⁶ đảm bảo cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác, kịp thời theo yêu cầu của Phòng GDĐT, Sở GDĐT, của Bộ GDĐT; (3) **hoàn thành dứt điểm việc cập nhật đầy đủ số định danh cá nhân** của giáo viên và học sinh; (4) cập nhật đầy đủ kết quả học tập của người học trên cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục theo từng kỳ học; đặc biệt, hoàn thiện đầy đủ thông tin của học sinh phục vụ tuyển sinh đầu cấp (lớp 1, lớp 6 và lớp 10 trong toàn huyện) năm 2025.

- Thực hiện triển khai hệ thống thông tin phổ cập giáo dục xóa mù chữ trên cơ sở kết nối và kế thừa dữ liệu sẵn có từ cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và cơ sở dữ liệu ngành giáo dục theo hướng dẫn của Bộ GDĐT.

- Thủ trưởng đơn vị, cơ sở giáo dục chịu trách nhiệm toàn bộ về tính chính xác, tính kịp thời báo cáo dữ liệu của đơn vị mình.

3. Khai thác cơ sở dữ liệu và chế độ báo cáo

- Thực hiện cấp tài khoản quản trị, khai thác cơ sở dữ liệu ngành đối với các đơn vị, cán bộ Phòng GDĐT và giáo viên theo phân công, nhiệm vụ được giao. Đơn vị, cá nhân có trách nhiệm quản lý đảm bảo bảo mật tài khoản và dữ liệu khai thác theo quy định của pháp luật và quy định của các cơ quan quản lý.

- Tăng cường và đẩy mạnh việc khai thác dữ liệu của ngành từ cơ sở dữ liệu thống nhất phục vụ các hoạt động báo cáo, xây dựng kế hoạch, công tác dự báo các nhà trường và toàn ngành.

- Thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo thống kê giáo dục định kỳ đối với giáo dục mầm non, phổ thông (kỳ đầu năm học và kỳ cuối năm học) đúng thời hạn, đầy đủ, chính xác nội dung theo quy định về chế độ báo cáo thống kê ngành Giáo dục¹⁷, quy định chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ GDĐT¹⁸ và báo cáo đột xuất theo yêu cầu của Bộ GDĐT. Chế độ báo cáo:

a) Cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông thực hiện báo cáo dữ liệu ngành trên hệ thống¹⁹: Dữ liệu đầu năm tính đến 30/9/2024, phòng GDĐT báo cáo Sở trước 15/10/2024.

b) Thực hiện sơ kết, tổng kết và báo cáo việc thực hiện nhiệm vụ ứng dụng CNTT, CDS và thống kê giáo dục cuối học kỳ I, kết thúc năm học. Biểu mẫu báo cáo theo Phụ lục đính kèm.

c) Các đơn vị thực hiện báo cáo tự đánh giá mức độ chuyển đổi số năm học theo cấp quản lý; Các đơn vị báo cáo triển khai tự đánh giá và kết quả đánh giá ngoài mức độ chuyển đổi số của đơn vị mình về Phòng GDĐT theo quy định.

¹⁶ Tại địa chỉ <https://csdl.quangninh.edu.vn> và <https://csdl.moet.gov.vn>.

¹⁷ Thông tư số 03/2024/TT-BGDĐT ngày 18/3/2024 ban hành Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành giáo dục

¹⁸ Thông tư số 19/2020/TT-BGDĐT ngày 29/6/2020 quy định chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ GDĐT

¹⁹ Tại địa chỉ <https://csdl.moet.gov.vn>

e) Các đơn vị gửi kế hoạch, báo cáo sơ kết, tổng kết triển khai nhiệm vụ ứng dụng CNTT, chuyển đổi số và thống kê giáo dục năm học 2024 – 2025 (**trước ngày 30/9/2024**) qua đường link trực tuyến tại địa chỉ:

<https://forms.gle/gF5MyDc4WQLeSY9p7>

4. Tiếp tục triển khai hiệu quả dịch vụ công trực tuyến và thanh toán không dùng tiền mặt trong giáo dục, trong đó ưu tiên một số dịch vụ sau

b) Dịch vụ trực tuyến về đăng ký, xét tuyển học sinh đầu các cấp học.

c) Tập trung triển khai 03 nhóm dịch vụ công trực tuyến, toàn trình liên thông trên Cổng Dịch vụ công quốc gia theo Quyết định số 206/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ²⁰.

d) Đẩy mạnh triển khai hình thức thanh toán không dùng tiền mặt tại các cơ sở giáo dục. Thực hiện hình thức thanh toán không dùng tiền mặt đối với **100% các khoản thu**²¹, **chi**²² phục vụ hoạt động dịch vụ của trường học.

III. CÁC GIẢI PHÁP CỤ THỂ

1. Kiện toàn tổ chức, bộ phận phụ trách công nghệ thông tin, chuyển đổi số và công tác thống kê giáo dục

- Các đơn vị thành lập tổ công tác thực hiện nhiệm vụ công nghệ thông tin, chuyển đổi số và công tác thống kê giáo dục; Phân công lãnh đạo phụ trách và viên chức công nghệ thông tin hoặc giáo viên kiêm nhiệm làm đầu mối triển khai.

- Tăng cường và phát huy vai trò của Tổ công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ.

2. Tập trung triển khai hiệu quả việc tự đánh giá và đánh giá ngoài mức độ chuyển đổi số

- Triển khai hiệu quả việc tự đánh giá và đánh giá ngoài mức độ chuyển đổi số của các cơ sở giáo dục theo Quyết định số 4725/QĐ-BGDĐT ngày 30/12/2022 của Bộ GDĐT ban hành Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số của cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên theo kế hoạch và hướng dẫn của Sở GDĐT²³.

- Các đơn vị thành lập Hội đồng tự đánh giá, rà soát cụ thể các tiêu chí đánh giá so với điều kiện thực tế của đơn vị từ đó có kế hoạch đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật và nhân lực để triển khai thực hiện hiệu quả.

²⁰ Quyết định số 206/QĐ-TTg ngày 28/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Danh mục nhóm dịch vụ công trực tuyến liên thông ưu tiên tái cấu trúc quy trình, tích hợp, cung cấp trên Cổng dịch vụ công Quốc gia năm 2024.

²¹ Các khoản thu: Bắt buộc (học phí, bảo hiểm y tế, ...); Tự nguyện (các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục theo Nghị quyết số 34/2021/NQ-HĐND, xã hội hóa, ...)

²² Các khoản chi: Từ nguồn kinh phí tự chủ (lương và các khoản theo lương, hoạt động chuyên môn, hoạt động khác, ...); từ nguồn kinh phí không tự chủ (chế độ, chính sách cho người dạy, người học, ...); từ nguồn thu hợp pháp khác của đơn vị.

²³ Công văn số 3571/SGDĐT-VP ngày 08/12/2023 về việc hướng dẫn triển khai đánh giá mức độ chuyển đổi số của các cơ sở giáo dục theo Quyết định số 4725/QĐ-BGDĐT; Công văn số 873/SGDĐT-VP ngày 21/3/2024 về việc hướng dẫn xác định nội hàm, gợi ý minh chứng theo bộ chỉ số đánh giá, tự đánh giá và đánh giá ngoài, công nhận mức độ chuyển đổi số của cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên.

3. Tăng cường công tác thể chế

- Người đứng đầu đơn vị chịu trách nhiệm toàn diện về số liệu của đơn vị trên hệ thống cơ sở dữ liệu ngành.

- Các đơn vị tăng cường rà soát và hoàn thiện quy chế quản lý, vận hành và khai thác sử dụng các hệ thống công nghệ thông tin; phân công cụ thể trách nhiệm về quản lý và khai thác sử dụng dữ liệu theo quy định (giao trách nhiệm các bộ phận chuyên môn rà soát, đối chiếu và chuẩn hóa đảm bảo tính chính xác của dữ liệu thành phần của từng cấp học trên cơ sở dữ liệu ngành); đảm bảo tuân thủ các quy định nhà nước về thông tin cá nhân²⁴, quy định về sở hữu dữ liệu; thường xuyên phổ biến, quán triệt các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn liên quan tổ chức thực hiện nhiệm vụ công nghệ thông tin, chuyển đổi số và công tác thống kê giáo dục của đơn vị.

1. Đảm bảo nguồn lực triển khai ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số giáo dục

- Định kỳ hàng tháng, quý, học kỳ, năm học rà soát và có kế hoạch đề nghị mua sắm bổ sung, duy trì, nâng cấp trang thiết bị đáp ứng yêu cầu triển khai ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong dạy, học, kiểm tra đánh giá và quản lý giáo dục; đảm bảo kết nối cáp quang Internet, dịch vụ Internet không dây trong các cơ sở giáo dục.

- Có biện pháp đảm bảo an toàn an ninh thông tin đối với các hệ thống công nghệ thông tin; thường xuyên rà soát, khắc phục các nguy cơ mất an toàn, an ninh thông tin, cập nhật thường xuyên các cảnh báo lỗi bảo mật của các nhà cung cấp dịch vụ, phần mềm; tuyệt đối đảm bảo an toàn, an ninh dữ liệu của hệ thống cơ sở dữ liệu giáo dục.

2. Phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số trong giáo dục

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác tập huấn, bồi dưỡng năng lực số nhất là ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong dạy học và đánh giá; tuyên truyền nâng cao nhận thức cho cán bộ quản lý và đội ngũ nhà giáo về vai trò và kết quả của ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong các hoạt động giáo dục; phổ biến và tuyên truyền về ý thức bảo vệ dữ liệu cá nhân, kỹ năng sử dụng thiết bị số và tham gia môi trường số an toàn; trang bị các phần mềm phòng chống virus có bản quyền; triển khai các hoạt động hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số Quốc gia vào ngày 10/10 hàng năm.

- Tăng cường viết bài, đưa tin về hoạt động chuyển đổi số của đơn vị, của ngành trên cổng thông tin và các nền tảng trực tuyến.

3. Xây dựng kế hoạch và tổ chức kiểm tra, giám sát

- Xây dựng kế hoạch và tổ chức kiểm tra, giám sát đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và công tác thống kê trong giáo dục, **tối thiểu 30% số đơn vị trực thuộc được kiểm tra** (lồng ghép chung vào kế hoạch kiểm tra thực hiện nhiệm vụ năm học hàng năm).

²⁴ Nghị định số 13/2023/NĐ-CP ngày 17/4/2023 của Chính phủ về bảo vệ dữ liệu cá nhân.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các trường Mầm non, Tiểu học, THCS, TH&THCS

Các đơn vị căn cứ các nội dung hướng dẫn trên xây dựng kế hoạch, hướng dẫn triển khai nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và thống kê giáo dục năm học 2024-2025. Nội dung kế hoạch, hướng dẫn cần bám sát thực tế triển khai ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số của đơn vị; xác định các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm đem lại hiệu quả thiết thực. Kế hoạch, hướng dẫn triển khai nhiệm vụ của các đơn vị đề nghị gửi về Phòng GDĐT **trước ngày 30/9/2024**.

3. Tổ chức sơ kết

Tổ chức sơ kết đánh giá tình hình triển khai nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số sau khi kết thúc học kỳ 1 năm học 2024-2025 và báo cáo Phòng GDĐT **trước ngày 10/01/2025**.

4. Tổ chức kiểm tra, đánh giá, tổng kết

Tổ chức kiểm tra, đánh giá, tổng kết triển khai nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và thống kê giáo dục năm học 2024-2025 và báo cáo trên cơ sở dữ liệu ngành²⁵ **trước ngày 30/5/2025**.

(Kèm theo văn bản này là Phụ lục danh sách một số văn bản để các đơn vị nghiên cứu và quán triệt thực hiện).

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc cần báo cáo kịp thời về Phòng GDĐT để có biện pháp hỗ trợ, hướng dẫn triển khai thực hiện.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở GDĐT (báo cáo);
- UBND huyện (báo cáo);
- TP, Các Phó TP;
- Công thông tin điện tử Phòng;
- Lưu: VT.

**KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**

Giản Mạnh Tráng

²⁵ Tại địa chỉ <https://csdl.moet.gov.vn>

Phụ lục I
Đề cương báo cáo sơ/tổng kết
triển khai nhiệm vụ ứng dụng CNTT, CDS, thống kê giáo dục

1. Công tác lãnh đạo, triển khai
2. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp
3. Công tác báo cáo định kỳ
4. Khó khăn, vướng mắc khi thực hiện triển khai nhiệm vụ ứng dụng CNTT, CDS, thống kê giáo dục
5. Phương hướng nhiệm vụ trọng tâm trong học kỳ/năm học tiếp theo
6. Đề xuất, kiến nghị

Phụ lục II

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....
ĐƠN VỊ BÁO CÁO

Số: /BC-....., ngày tháng năm 202...

(Đề cương)

BÁO CÁO

**kết quả thực hiện đánh giá mức độ chuyển đổi số của cơ sở giáo dục
năm học**

I. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo

1. Triển khai các văn bản chỉ đạo
2. Ban hành các văn bản, công tác hướng dẫn, bồi dưỡng tập huấn

II. Kết quả thực hiện

1. Quá trình thực hiện tại cơ sở giáo dục
2. Kết quả mức độ chuyển đổi số của đơn vị

III. Khó khăn, vướng mắc khi triển khai

IV. Phương hướng nhiệm vụ trọng tâm năm học tiếp theo

V. Đề xuất, kiến nghị

Nơi nhận:

.....

Thủ trưởng đơn vị

.....

Phụ lục III
DANH MỤC VĂN BẢN VỀ TRIỂN KHAI
ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN, CHUYỂN ĐỔI SỐ
VÀ THỐNG KÊ GIÁO DỤC NĂM HỌC 2024-2025

I. VĂN BẢN CỦA CHÍNH PHỦ, BỘ GDĐT

1. Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 của Chính phủ về quản lý đầu tư ứng dụng CNTT sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;
2. Nghị định số 82/2024/NĐ-CP ngày 10/07/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;
3. Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15/7/2013 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ internet và thông tin trên mạng;
4. Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030. Trong đó Chính phủ giao Bộ GDĐT rà soát, làm rõ nội dung quản lý nhà nước về cung cấp dịch vụ giáo dục; đổi mới tổ chức, quản lý, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực GDĐT;
5. Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 7/3/2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019-2020, định hướng đến 2025;
6. Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt "Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030" trong đó GDĐT là 1/8 lĩnh vực ưu tiên, Thủ tướng Chính phủ giao các Bộ, ngành nói chung và Bộ GDĐT nói riêng xây dựng kế hoạch chuyển đổi số;
7. Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;
8. Quyết định số 117/QĐ-TTg ngày 25/01/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và hỗ trợ các hoạt động dạy-học, nghiên cứu khoa học góp phần nâng cao chất lượng giáo dục giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2025", trong đó có định hướng đến năm 2025, tiếp tục phát huy kết quả đạt được, khắc phục những hạn chế, tồn tại trong quá trình triển khai;
9. Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030";
10. Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Đề án "Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện

tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030”;

11. Thông tư số 08/2010/TT-BGDĐT ngày 01/03/2010 quy định về sử dụng phần mềm tự do nguồn mở trong các cơ sở giáo dục;

12. Thông tư số 07/2016/TT-BGDĐT ngày 22/3/2016 quy định về Điều kiện bảo đảm và nội dung, quy trình, thủ tục kiểm tra công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ;

13. Thông tư số 35/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 quy định về quản lý, vận hành và sử dụng hệ thống thông tin quản lý phổ cập giáo dục, xóa mù chữ;

14. Thông tư số 21/2017/TT-BGDĐT ngày 06/9/2017 quy định ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động bồi dưỡng, tập huấn qua mạng Internet cho giáo viên, nhân viên và cán bộ quản lý giáo dục;

15. Thông tư số 03/2024/TT-BGDĐT ngày 18/3/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Hệ thống chỉ tiêu thông kê ngành giáo dục;

16. Thông tư số 37/2020/TT-BGDĐT ngày 05/10/2020 Quy định về tổ chức hoạt động, sử dụng thư điện tử và công thông tin điện tử tại sở giáo dục và đào tạo, phòng giáo dục và đào tạo và các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên;

17. Thông tư số 09/2021/TT-BGDĐT ngày 30/03/2021 quy định về quản lý và tổ chức dạy học trực tuyến trong cơ sở giáo dục phổ thông và cơ sở giáo dục thường xuyên;

18. Thông tư số 42/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 Quy định về cơ sở dữ liệu giáo dục và đào tạo;

19. Thông tư số 24/2023/TT-BGDĐT ngày 11/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về đánh giá, công nhân “Đơn vị học tập” cấp huyện, tỉnh;

20. Văn bản số 5807/BGDĐT-CNTT ngày 21/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Hướng dẫn triển khai mô hình ứng dụng CNTT trong trường phổ thông;

21. Quyết định số 4998/QĐ-BGDĐT ngày 31/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định kỹ thuật về dữ liệu của cơ sở dữ liệu giáo dục và đào tạo;

22. Quyết định số 4725/QĐ-BGDĐT ngày 30/12/2022 ban hành Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số của cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên;

23. Chỉ thị số 733/CT-BGDĐT ngày 10/05/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc chấn chỉnh thực hiện quy định liên quan đến bỏ sổ hộ khẩu giấy, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công trong lĩnh vực giáo dục.

24. Quyết định số 447/QĐ-BGDĐT ngày 31/01/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc phê duyệt Hướng dẫn bảo đảm an toàn thông tin, tham gia môi trường mạng an toàn đối với hoạt động giảng dạy, quản lý giáo dục.

II. VĂN BẢN CỦA TỈNH

1. Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 05/02/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về Chuyển đổi số toàn diện tỉnh Quảng Ninh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

2. Kế hoạch số 59/KH-UBND ngày 01/03/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hiện chuyển đổi số toàn diện tỉnh Quảng Ninh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

3. Kế hoạch số 60/KH-UBND ngày 01/3/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai thực hiện phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số Quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh;

4. Kế hoạch số 97/KH-UBND ngày 25/3/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc triển khai Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2022 - 2025;

5. Quyết định số 1488/QĐ-UBND ngày 08/06/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về phê duyệt Đề án chuyển đổi số toàn diện tỉnh Quảng Ninh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

6. Quyết định số 41/2022/QĐ-UBND ngày 08/11/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế quản lý và sử dụng chứng thư số, chữ ký số chuyên dùng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh;

7. Kế hoạch số 176/KH-UBND ngày 18/7/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2022 - 2025 và kế hoạch triển khai năm 2022;

8. Kế hoạch số 34/KH-UBND, ngày 16/02/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai thực hiện Chiến lược An toàn, An ninh mạng quốc gia, chủ động ứng phó với các thách thức từ không gian mạng đến năm 2025, tầm nhìn 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh;

9. Kế hoạch số 212/KH-UBND ngày 29/10/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về Phát triển doanh nghiệp công nghệ số tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2021 - 2025 và định hướng đến năm 2030;

10. Kế hoạch số 227/KH-UBND ngày 24/11/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về Truyền thông về chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2021 – 2025.

11. Kế hoạch số 276/KH-UBND ngày 10/11/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và thúc đẩy chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2023 – 2025, định hướng đến năm 2030;

12. Kế hoạch số 46/KH-UBND ngày 19/02/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai thực hiện Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và

xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 – 2025, tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh năm 2024;

13. Kế hoạch số 73/KH-UBND ngày 13/3/2024 về việc thực hiện chuyển đổi số toàn diện tỉnh Quảng Ninh năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh;

14. Quyết định số 12/2024/QĐ-UBND ngày 12/4/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ban hành Quy chế quản lý, vận hành và khai thác sử dụng phần mềm Quản lý văn bản và điều hành tỉnh Quảng Ninh.

III. VĂN BẢN CỦA SỞ GD&ĐT

1. Kế hoạch số 3625/KH-SGD&ĐT ngày 11/12/2023 của Sở GD&ĐT về Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và thúc đẩy chuyển đổi số ngành Giáo dục giai đoạn 2023 - 2025, định hướng đến năm 2030.

2. Kế hoạch số 842/KH-SGD&ĐT ngày 19/3/2024 thực hiện Chuyển đổi số ngành Giáo dục năm 2024.

3. Công văn số 295/SGD&ĐT-GDTrH ngày 31/01/2019 về việc quản lý, khai thác sử dụng hiệu quả thiết bị, phần mềm, phòng học, phòng điều hành của Dự án ứng dụng CNTT tiên tiến và Dự án trường học thông minh.

4. Công văn số 3163/SGD&ĐT-VP ngày 09/11/2023 về việc tiếp tục tăng cường khai thác hiệu quả thiết bị, hệ thống LMS, phòng học, phòng điều hành của dự án ứng dụng CNTT tiên tiến và dự án trường học thông minh đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số và nâng cao chất lượng giáo dục.

5. Công văn số 873/SGD&ĐT-VP ngày 21/3/2024 về việc hướng dẫn xác định nội hàm, gợi ý minh chứng theo bộ chỉ số đánh giá, tự đánh giá và đánh giá ngoài, công nhận mức độ chuyển đổi số của cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên./.

IV. VĂN BẢN CỦA HUYỆN CỦA PHÒNG GD&ĐT

1. Kế hoạch số 91/KH-UBND ngày 01/6/2017 của UBND huyện Đầm Hà về việc thực hiện Quyết định số 117/QĐ-TTg ngày 25/01/2017 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt đề án "Tăng cường ứng dụng CNTT trong quản lý và hỗ trợ hoạt động dạy-học, nghiên cứu khoa học góp phần nâng cao chất lượng GD&ĐT giai đoạn 2017-2020, định hướng đến năm 2025" trên địa bàn huyện Đầm Hà.

2. Kế hoạch số 64/KH-UBND ngày 31/3/2022 của Ủy ban Nhân dân huyện Đầm Hà về việc thực hiện chuyển đổi số toàn diện huyện Đầm Hà đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

3. Kế hoạch số 227/KH-UBND ngày 10/9/2024 của UBND huyện Đầm Hà về Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án “Kiện toàn tổ chức bộ máy, nâng cao năng lực quản lý nhà nước và thực thi pháp luật về chuyển đổi số từ trung ương đến địa phương đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” trên địa bàn huyện Đầm Hà.

4. Kế hoạch số 20/KH-PGD&ĐT ngày 15/3/2023 của Phòng Giáo dục và

Đào tạo Đầm Hà về Kế hoạch thực hiện chuyển đổi số toàn diện ngành giáo dục năm 2023.

5. Kế hoạch số 74/KH-PGD&ĐT ngày 18/12/2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo về Kế hoạch tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và thúc đẩy chuyển đổi số ngành giáo dục giai đoạn 2023-2025, định hướng đến năm 2030.

Phụ lục IV
Một số hướng dẫn đối với
phần mềm cơ sở dữ liệu ngành và quản lý nhà trường

1. Mọi thao tác thay đổi về nhân sự của đơn vị, thay đổi học sinh (tiếp nhận hoặc chuyển trường) sau khi thực hiện xong đều phải thực hiện cập nhật, đồng bộ ngay trên phần mềm <https://qlth.quangninh.edu.vn>, cơ sở dữ liệu ngành giáo dục Quảng Ninh tại địa chỉ <https://csdl.quangninh.edu.vn> với phần mềm cơ sở dữ liệu ngành của Bộ GDĐT (<https://csdl.moet.gov.vn>).

2. Khi nhận học sinh từ tỉnh khác về trường trên phần mềm cơ sở dữ liệu ngành, cần thực hiện xuất thông tin học sinh và cập nhật vào phần mềm <https://qlth.quangninh.edu.vn>.

3. Các cơ sở mới thành lập cần tạo mới trên phần mềm cơ sở dữ liệu ngành (<https://csdl.moet.gov.vn>); đơn vị thực hiện sáp nhập các cơ sở giáo dục báo cáo bộ phận Thống kê giáo dục để thao tác trên hệ thống; sau đó liên hệ với kỹ thuật Viettel và cập nhật trên phần mềm <https://qlth.quangninh.edu.vn>.
